

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012**

American Auditing

MỤC LỤC

	Trang
1 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2 BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 6
4 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
5 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
6 BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	10
7 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Phép Hoạt Động Chứng Khoán số 68/UBCK ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp, được điều chỉnh vào ngày 06 tháng 11 năm 2009 và điều chỉnh vào ngày 25/06/2012.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Địa chỉ trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2. Các sự kiện trong kỳ

Ngày 25 tháng 06 năm 2012 Công ty nhận được Giấy phép điều chỉnh theo quyết định số 96/GPĐC-UBCK do Ủy ban chứng khoán Nhà Nước cấp về việc tăng vốn điều lệ từ 378.000.000.000 đồng lên 396.900.000.000 đồng thông qua việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn vốn lợi nhuận sau thuế của năm 2011.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
------------	---------------

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Anh Tú	Trưởng Ban
Ông Hàn Anh Khoa	Thành viên
Bà Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên

4. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng quản trị rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

5. Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

6. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

7. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

8. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 4 đến trang 28 cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định khác có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TÔ HÀI

Tổng Giám đốc

Số: 20120718001

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO GIAI ĐOẠN SÁU THÁNG KẾT THÚC TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2012 từ trang 1 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AMERICAN AUDITING)



NGUYỄN HỮU TRÍ

Giám đốc

Chứng Chỉ KTV số 0476/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

PHẠM ĐỨC NGUYỄN

Kiểm toán viên điều hành

Chứng Chỉ KTV số 1186/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.412.126.891.819	1.795.452.129.469
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110	V.01	267.899.255.073	111.616.718.751
1. Tiền	111		144.774.255.073	41.216.718.751
2. Các khoản tương đương tiền	112		123.125.000.000	70.400.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.03	666.321.652.790	1.059.922.610.501
1. Đầu tư ngắn hạn	121		787.552.067.729	1.198.873.031.011
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(121.230.414.939)	(138.950.420.510)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.04	466.386.291.696	614.818.783.909
1. Phải thu khách hàng	131		361.517.180.290	283.486.148.968
2. Trả trước cho người bán	132		717.365.330	1.123.789.910
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		272.238.965	190.383.037
5. Các khoản phải thu khác	138		103.879.507.111	330.018.461.994
IV. Hàng tồn kho	140		24.429.600	12.320.284
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.495.262.660	9.081.696.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	1.555.501.300	2.471.980.037
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	9.939.761.360	6.609.715.987
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		596.004.878.884	622.201.775.573
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		5.676.661.246	7.612.776.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	3.526.533.228	4.492.090.431
- Nguyên giá	222		24.520.162.376	23.857.196.448
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.993.629.148)	(19.365.106.017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	1.305.358.018	3.120.685.783
- Nguyên giá	228		14.744.656.815	14.669.694.425
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.439.298.797)	(11.549.008.642)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		844.770.000	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		580.874.180.000	606.244.925.000
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		11.604.400.000	11.604.400.000
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		11.604.400.000	11.604.400.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.03	569.269.780.000	594.640.525.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.454.037.638	8.344.074.359
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.09	4.019.202.548	2.919.239.269
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	5.434.835.090	5.424.835.090
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.008.131.770.703	2.417.653.905.042

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	1.517.144.304.121	1.955.863.491.667
I. Nợ ngắn hạn	310	1.016.770.579.121	1.455.431.516.667
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.11	101.800.000.000	582.426.780.000
2. Phải trả cho người bán	312 V.12a	11.195.080.000	221.681.817.543
3. Người mua trả tiền trước	313 V.12b	389.630.748.348	121.749.992.655
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.13	11.372.352.358	5.607.809.402
5. Phải trả người lao động	315	4.065.000	5.688.415.262
6. Chi phí phải trả	316 V.14	15.762.038.617	56.183.873.528
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.15	376.264.956.028	429.469.263.916
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320 V.16	108.017.827.314	30.629.540.905
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	1.201.263.000	471.775.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	1.522.248.456	1.522.248.456
II. Nợ dài hạn	330	500.373.725.000	500.431.975.000
4. Vay và nợ dài hạn	334 V.11	500.000.000.000	500.000.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	373.725.000	431.975.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	490.987.466.582	461.790.413.375
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411 V.17	396.900.000.000	378.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	17.400.912.496	17.400.912.496
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	76.686.554.086	66.389.500.879
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	2.008.131.770.703	2.417.653.905.042

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ	TM	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		8.259.665.890.000	7.076.053.520.000
Trong đó:			-	-
6.1- Chứng khoán giao dịch	007		7.416.156.090.000	5.935.718.010.000
6.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	009		7.203.906.520.000	5.901.256.730.000
6.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		212.249.570.000	34.461.280.000
6.2- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (GD)	012		244.977.630.000	310.931.090.000
6.2.2- CK tạm ngừng GD khách hàng trong nước	014		244.977.630.000	310.931.090.000
6.3- Chứng khoán cầm cố	017		527.997.900.000	780.304.200.000
6.3.2. CK cầm cố của khách hàng trong nước	019		527.997.900.000	780.304.200.000
6.5- Chứng khoán chờ thanh toán	027		67.257.790.000	40.164.000.000
6.5.1. CK chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		150.000.000	-
6.5.2. CK chờ thanh toán khách hàng trong nước	029		67.057.790.000	40.163.000.000
6.5.3. CK chờ thanh toán khách hàng nước ngoài	030		50.000.000	1.000.000
6.6- Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032		-	8.936.220.000
6.6.2. CK phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	8.936.220.000
6.7- Chứng khoán chờ giao dịch	037		3.276.480.000	-
6.7.2. CK chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		3.124.730.000	-
6.7.3. CK chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		151.750.000	-
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		63.513.720.000	25.922.690.000
7.1- Chứng khoán giao dịch	051		63.513.720.000	25.922.690.000
7.1.2- CK giao dịch của khách hàng trong nước	053		54.458.230.000	25.032.340.000
7.1.3- CK giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		9.055.490.000	890.350.000

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012



ĐOÀN MINH THIÊN
Kế Toán Trưởng



TÔ HẢI
Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu	01	VI.01	249.128.645.811	164.076.163.629
<i>Trong đó</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		30.852.850.820	48.259.837.571
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		47.890.363.550	44.978.938.682
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		56.200.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		12.192.906.455	5.065.428.657
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.285.796.667	2.439.884.139
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		64.431.818	268.060.204
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
Doanh thu khác	01.9		100.642.296.501	63.064.014.376
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		249.128.645.811	164.076.163.629
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.02	189.502.557.066	99.159.081.687
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		59.626.088.745	64.917.081.942
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.03	18.862.677.519	22.569.988.359
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		40.763.411.226	42.347.093.583
8. Thu nhập khác	31		1.100.000	25.400.000
9. Chi phí khác	32		-	34.185.313.580
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.100.000	(34.159.913.580)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		40.764.511.226	8.187.180.003
12. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51		10.167.458.019	2.380.797.719
13. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		30.597.053.207	5.806.382.284
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		808	154

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012



(Handwritten signature in blue ink)

ĐOÀN MINH THIÊN
Kế Toán Trưởng

TÔ HẢI
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		40.764.511.226	8.187.180.003
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.518.813.286	4.346.125.059
- Các khoản dự phòng	03		(17.720.005.571)	30.570.941.686
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.056.037.231)	(22.011.162.018)
- Chi phí lãi vay	06		99.797.959.331	27.392.133.307
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		92.305.241.041	48.485.218.037
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		165.055.955.128	1.394.869.719.738
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn	10		411.308.853.966	(260.033.040.807)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		80.476.327.643	(1.236.241.645.665)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		916.478.737	(1.340.208.618)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(141.139.139.566)	(6.902.840.334)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.062.092.973)	(5.986.791.327)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	88.929.064
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.000.000)	(50.101.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		601.851.623.976	(117.162.159.912)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.582.698.318)	(1.886.457.601)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(505.104.400.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	63.754.400.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(147.328.900.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		172.699.645.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.002.565.664	22.011.162.018
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		36.790.612.346	(421.225.295.583)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		426.800.000.000	1.116.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(907.426.780.000)	(385.561.800.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.732.920.000)	(18.714.550.426)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(482.359.700.000)	711.723.649.574
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		156.282.536.322	173.336.194.079
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		111.616.718.751	150.354.568.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		267.899.255.073	323.690.762.079

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012

ĐOÀN MINH THIỆN
Kế Toán Trưởng



TÔ HẢI
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 05-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

Đơn vị tiền tệ: VND

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	T	M	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011		Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012		Tại 30/6/2011	Tại 30/6/2012
	Tại 01/01/2011	Tại 01/01/2012	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	378.000.000.000	378.000.000.000	-	-	18.900.000.000	-	378.000.000.000	396.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	7.452.128.561	8.700.456.248	-	-	-	-	7.452.128.561	8.700.456.248
8. Quỹ dự phòng tài chính	7.452.128.561	8.700.456.248	-	-	-	-	7.452.128.561	8.700.456.248
9. Các quỹ khác	-	-	-	-	-	-	-	-
10. LN chưa phân phối	62.634.150.942	66.389.500.879	5.806.382.284	(18.714.548.426)	30.597.053.207	(20.300.000.000)	49.725.984.800	76.686.554.086
11. Tăng / (giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	455.538.408.064	461.790.413.375	5.806.382.284	(18.714.548.426)	49.497.053.207	(20.300.000.000)	442.630.241.922	490.987.466.582

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012


ĐOÀN MINH THIỆN
 Kế Toán Trưởng

TỔ HẢI
 Tổng Giám đốc

 145
 CÔNG TY
 CHỨNG
 KHOÁN
 BẢN VIỆT
 QUẬN 1
 TP. HỒ CHÍ MINH

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bàn Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Phép Hoạt Động Chứng Khoán số 68/UBCK ngày 06 tháng 11 năm 2007 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam cấp và được điều chỉnh vào ngày 06 tháng 11 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh theo quyết định số 96/GPĐC-UBCK ký ngày 25/06/2012 về việc tăng vốn điều lệ.

Địa chỉ trụ sở chính: 67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ chi nhánh tại Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

2 Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng:

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam "VND" phù hợp với Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

3 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam.

Báo cáo tài chính được soạn thảo dựa trên nguyên tắc giá gốc.

4 Hình thức số kế toán áp dụng: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Tiên và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của các nhà đầu tư.

2 Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn, đầu tư dài hạn khác.

a. Phân loại

- Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

- Công ty phân loại các khoản cho vay có kỳ hạn gốc dưới 12 tháng và các chứng khoán mua rồi bán lại theo hợp đồng (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán) là các khoản đầu tư ngắn hạn.

- Đầu tư chứng khoán dài hạn là các chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ trong một thời gian không xác định trước và có thể được bán ra vào bất kỳ lúc nào.

- Đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty và dự định nắm giữ hơn một năm mặc dù thời gian thực sự nắm giữ có thể dài hơn hoặc ngắn hơn tùy thuộc vào tình hình hoạt động của các công ty được đầu tư và các trường hợp khác.

b. Ghi nhận

Theo thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Công ty ghi nhận các chứng khoán thương mại, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác tại ngày mà công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch)

c. Đánh giá

- Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá chứng khoán bình quân tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 29 tháng 6 năm 2012.

- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có).

- Chứng khoán thương mại chưa niêm yết không tự do mua bán trên thị trường, chứng khoán đầu tư dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh dựa theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá theo đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc. Ban Tổng Giám Đốc xác định các khoản dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này sau khi xem xét giá gốc, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và các dòng tiền ước tính.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, chứng khoán đầu tư dài hạn và đầu tư dài hạn khác như đề cập ở trên được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập dự phòng.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

- Nguyên giá của chứng khoán thương mại, đầu tư chứng khoán dài hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

d. Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn, đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã hết hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của quyền sở hữu.

3 Các khoản phải thu

a. Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

4 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009, cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Tỷ lệ phân bổ
Chi phí nâng cấp văn phòng	33,33%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16,67%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	33,33%

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình bao gồm phần mềm vi tính, phần mềm giao dịch và phần mềm kế toán tỷ lệ phân bổ là 33,33% - 50,00%

5 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

6 Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

7 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

8 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Tiền mặt tại quỹ	1.096.135.417	327.885.867
- Tiền gửi ngân hàng	143.678.119.656	40.888.832.884
Trong đó:		
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	84.422.877.786	21.876.099.214
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	-	-
- Các khoản tương đương tiền	123.125.000.000	70.400.000.000
Tổng cộng	267.899.255.073	111.616.718.751

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Của công ty chứng khoán		
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	22.129.732	858.686.250.300
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	696.832.153	12.359.703.540.900
- Trái phiếu	5.000.000	530.739.500.000
Tổng cộng	723.961.885	13.749.129.291.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***3. Tình hình đầu tư tài chính.****A: Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Chi tiêu	TM	Số lượng	Giá trị theo số kế toán	So với giá thị trường/ Giá trị ước tính có thể thu hồi		Tổng giá thị trường/ giá trị ước tính có thể thu hồi	Dự phòng
				Tăng	Giảm		
a. Đầu tư ngắn hạn			787.552.067.729	20.554.376.813	(121.230.414.939)	(121.230.414.939)	
- Chứng khoán vốn niên yết (i)			335.317.265.103	20.527.929.260	(88.276.499.615)	(88.276.499.615)	
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ii)			136.075.109.862	26.447.553	(12.405.908.265)	(12.405.908.265)	
- Cho vay ngắn hạn (iii)			800.000.000		800.000.000		
- Hợp đồng hỗ trợ tài chính (iv)			72.000.000.000		72.000.000.000		
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (v)			45.000.000.000		45.000.000.000		
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ (vi)			10.202.371.198		10.202.371.198		
- Tạm ứng giao dịch chứng khoán (vii)			188.157.321.566		(20.548.007.059)	(20.548.007.059)	
b. Đầu tư dài hạn			580.874.180.000	-	-	-	
- Chứng khoán sẵn sàng để bán							
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (viii)			11.604.400.000				
- Đầu tư dài hạn khác							
+ Chứng khoán vốn chưa niêm yết (ix)			69.269.780.000				
+ Hợp đồng hỗ trợ tài chính (x)			500.000.000.000				
Tổng cộng			1.368.426.247.729	20.554.376.813	(121.230.414.939)	(121.230.414.939)	



B: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiêu	TM	Số lượng	Giá trị theo số kê toán	So với giá thị trường/ Giá trị ước tính có thể thu hồi		Tổng giá thị trường/ giá trị ước tính có thể thu hồi	Dự phòng
				Tăng	Giảm		
a. Đầu tư ngắn hạn			1.198.873.031.011	17.800.121.844	(138.950.420.510)	1.077.722.732.345	(138.950.420.510)
- Chứng khoán vốn niên yết	(i)		210.905.872.723	120.616.573	(114.158.808.784)	96.867.680.512	(114.158.808.784)
- Chứng khoán vốn chưa niên yết	(ii)		323.451.692.412	17.679.505.271	(4.243.604.667)	336.887.593.016	(4.243.604.667)
- Cho vay ngắn hạn	(iii)		800.000.000			800.000.000	
- Hợp đồng hỗ trợ tài chính	(iv)		72.000.000.000			72.000.000.000	
- Hợp đồng hợp tác đầu tư	(v)		373.000.000.000			373.000.000.000	
- Hợp đồng giao dịch ký quỹ	(vi)		80.194.135.891			80.194.135.891	
- Tam ứng giao dịch chứng khoán	(vii)		138.521.329.985		(20.548.007.059)	117.973.322.926	(20.548.007.059)
b. Đầu tư dài hạn			606.244.925.000	2.472.266.667	-	608.717.191.667	-
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	(viii)		11.604.400.000	2.472.266.667	-	14.076.666.667	
+ Chứng khoán vốn chưa niên yết			11.604.400.000	2.472.266.667		14.076.666.667	
- Đầu tư dài hạn khác			594.640.525.000	-	-	594.640.525.000	-
+ Chứng khoán vốn chưa niên yết	(ix)		69.269.780.000			69.269.780.000	
+ Hợp đồng hỗ trợ tài chính	(x)		500.000.000.000			500.000.000.000	
+ Hợp đồng hợp tác đầu tư			25.370.745.000			25.370.745.000	
Tổng cộng			1.805.117.956.011	20.272.388.511	(138.950.420.510)	1.686.439.924.012	(138.950.420.510)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***(i): Chứng khoán vốn niêm yết**

- Bao gồm trong chứng khoán vốn niêm yết tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 có khoản chứng khoán trị giá 162.476.453.029 đồng do Công ty hợp tác đầu tư với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 78.194.085.103 đồng)
- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sàn UpCOM được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sàn UpCOM - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số dư đầu năm	114.158.808.784	13.987.392.515
Tăng dự phòng trong năm		100.171.416.269
Giảm dự phòng trong năm	25.882.309.169	-
Số dư cuối năm	88.276.499.615	114.158.808.784

(ii): Chứng khoán vốn chưa niêm yết

- Bao gồm trong chứng vốn chưa niêm yết tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 có khoản chứng khoán trị giá 37.201.965.971 đồng do Công ty hợp tác đầu tư với các bên thứ ba thông qua các hợp đồng ủy thác/ủy quyền đầu tư (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 12.824.601.244 đồng).
- Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá giao dịch bình quân của các chứng khoán này do ba công ty chứng khoán độc lập cung cấp theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và công văn hướng dẫn trích lập dự phòng đầu tư số 322/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 04 tháng 02 năm 2012.
- Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong kỳ như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số dư đầu kỳ	4.243.604.667	4.715.335.965
Tăng dự phòng trong kỳ	8.162.303.598	
Giảm dự phòng trong kỳ	-	471.731.298
Số dư cuối kỳ	12.405.908.265	4.243.604.667

(iii): Cho vay ngắn hạn

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng	800.000.000	800.000.000
Tổng cộng	800.000.000	800.000.000

Các khoản cho vay này không được đảm bảo, không hưởng lãi và có kỳ hạn gốc là 12 tháng. Trong năm, khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng đã được gia hạn đến ngày 14 tháng 7 năm 2012

(iv): Hợp đồng hỗ trợ tài chính

- Ngày 20 tháng 12 năm 2011, Công ty ký hợp đồng hỗ trợ tài chính không có tài sản đảm bảo với Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng với số tiền là 72 tỷ đồng cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Thời hạn hỗ trợ tài chính là tám (8) tháng đã được tất toán vào ngày 02/07/2012 và Công ty không hưởng thu nhập trên số tiền hỗ trợ tài chính này;

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09-CTCK

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***(v): Hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn**

- Trong kỳ, Công ty thực hiện các hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn số HĐ 2706/2012/HĐUTĐT/CFC-VCSC với Công ty Tài chính Cổ phần Xi Măng. Theo thỏa thuận hợp tác đầu tư, Công ty được hưởng thu nhập cố định trên phần tiền hợp tác đầu tư 45 tỷ đồng theo chi tiết như sau:

Ngày hiệu lực hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng	Số tiền hợp tác	Tổng thu nhập cố định theo hợp đồng	Thu nhập ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ
27/06/2012	20/08/2012	45.000.000.000	1.282.500.000	95.000.000

(vi): Hợp đồng giao dịch ký quỹ

- Giao dịch ký quỹ thể hiện khoản tiền cho khách hàng vay để thực hiện các hoạt động giao dịch chứng khoán.

(vii): Tạm ứng giao dịch chứng khoán

- Tạm ứng giao dịch chứng khoán thể hiện số tiền ứng tiền cho khách hàng tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả từ 1 ngày đến 60 ngày và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,055%/ngày đến 0,062%/ngày.

- Dự phòng cho khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán được xác định bằng chênh lệch của giá trị chứng khoán phong tỏa và giá trị ghi sổ của khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

- Biến động dự phòng cho các khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số dư đầu kỳ	20.548.007.059	11.172.029.050
Tăng dự phòng trong kỳ	-	9.375.978.009
Số dư cuối kỳ	20.548.007.059	20.548.007.059

(viii): Chi tiết chứng khoán sẵn sàng để bán như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	1.604.400.000	1.604.400.000
Tổng cộng	11.604.400.000	11.604.400.000

(ix) Đầu tư dài hạn khác – chứng khoán vốn chưa niêm yết:

	Tại 30/6/2012	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tại 1/1/2012	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Việt Hưng	20.427.700.000	10,00	20.427.700.000	10,00
Công ty Cổ phần Xây dựng - SX - TM Tài Nguyên	25.000.000.000	2,50	25.000.000.000	2,50
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Triệu Hưng Gia	3.600.000.000	9,47	3.600.000.000	9,47
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường Cao tốc Việt Nam	10.000.000.000	2,00	10.000.000.000	2,00
Công ty Cổ phần Vận Thương Long	4.359.000.000	15,00	4.359.000.000	15,00
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2	5.883.080.000	2,00	5.883.080.000	2,00
Tổng cộng	69.269.780.000		69.269.780.000	

(x) Hợp đồng hỗ trợ tài chính dài hạn

- Công ty ký hợp đồng hỗ trợ tài chính cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Sỹ với số tiền là 500 tỷ đồng cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Đây là hợp đồng hỗ trợ tài chính có tài sản đảm bảo và Công ty được hưởng mức phí cố định tương ứng với 15%/năm trên tổng giá trị hợp đồng. Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng (29 tháng 6 năm 2011).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÀN VIỆT

Mẫu số B 09-CTCK

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

4. Các khoản phải thu

Chi tiêu	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu khác hàng	283.486.148.968			302.751.037.092	224.720.005.770	361.517.180.290			-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	190.383.037			6.205.828.393	6.123.972.465	272.238.965			-
- Phải thu Sở GDCK									
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán									
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán									
- Phải thu trung tâm lưu ký chứng khoán									
- Phải thu thành viên khác	190.383.037			6.205.828.393	6.123.972.465	272.238.965			-
3. Thuế GTGT được khấu trừ	-								
4. Phải thu nội bộ	-								
5. Phải thu khác	330.018.461.994			433.856.690.273	659.995.645.156	103.879.507.111			-
Tổng cộng	613.694.993.999	-	-	742.813.555.758	890.839.623.391	465.668.926.366	-	-	-

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

5 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí	Tại 01/01/2012	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kì	Số cuối năm
- Chi phí trả trước hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.471.980.037	5.038.130.114	5.954.608.851	1.555.501.300
Tổng cộng	2.471.980.037	5.038.130.114	5.954.608.851	1.555.501.300

6 Tài sản ngắn hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 1/1/2012
- Tạm ứng cho nhân viên	9.939.761.360	6.609.715.987
Tổng cộng	9.939.761.360	6.609.715.987

7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2012	6.839.145.848	-	3.330.335.577	13.687.715.023	-	23.857.196.448
- Mua trong năm				662.965.928		662.965.928
Tại 30/6/2012	6.839.145.848	-	3.330.335.577	14.350.680.951	-	24.520.162.376
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2012	6.695.709.670		1.720.797.784	10.948.598.563		19.365.106.017
- Khấu hao trong năm	105.896.754		271.620.958	1.251.005.419		1.628.523.131
Tại 30/6/2012	6.801.606.424	-	1.992.418.742	12.199.603.982	-	20.993.629.148
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	143.436.178	-	1.609.537.793	2.739.116.460	-	4.492.090.431
Tại 30/6/2012	37.539.424	-	1.337.916.835	2.151.076.969	-	3.526.533.228

8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Phần mềm quản lý, Bản quyền phần mềm	Tài sản khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2012			14.669.694.425	-	14.669.694.425
- Mua trong năm			74.962.390		74.962.390
Tại 30/6/2012	-	-	14.744.656.815	-	14.744.656.815
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2012			11.549.008.642		11.549.008.642
- Khấu hao trong năm			1.890.290.155		1.890.290.155
Tại 30/6/2012	-	-	13.439.298.797	-	13.439.298.797
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2012	-	-	3.120.685.783	-	3.120.685.783
Tại 30/6/2012	-	-	1.305.358.018	-	1.305.358.018

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Mẫu số B 09-CTCK

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***9 Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tiền nộp ban đầu	2.919.239.269	1.213.106.262
Tiền nộp bổ sung	835.381.848	1.706.133.007
Tiền lãi phân bổ trong năm	264.581.431	-
Tổng cộng	4.019.202.548	2.919.239.269

10 Tài sản dài hạn khác

- Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn. Trong đó, chủ yếu là các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng, trụ sở làm việc của Công ty.

11 Các khoản vay**a. Vay ngắn hạn**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	125.426.780.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	53.800.000.000	63.000.000.000
- Tổng Cty Tài Chính CP Dầu khí Việt Nam – CN Thăng Long	-	21.000.000.000
- Trái phiếu phát hành cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (ii)	48.000.000.000	373.000.000.000
Tổng cộng	101.800.000.000	582.426.780.000

(i) - Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam có hạn mức tín dụng 100 tỷ đồng Việt nam, kỳ hạn 3 tháng và chịu lãi suất 18,5% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thuộc quyền sở hữu của các bên thứ ba là đối tác của Công ty.

- Ngày 18 tháng 1 và ngày 21 tháng 2 năm 2012, Công ty phát hành lần lượt 30.000 và 18.000 trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo với mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan. Lãi và gốc trái phiếu được trả khi đáo hạn hoặc có thể trước hạn với lãi suất 15%/năm. Các trái phiếu này không có tài sản đảm bảo và có kỳ hạn 1 năm.

b. Vay dài hạn

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Trái phiếu phát hành	500.000.000.000	500.000.000.000
Tổng cộng	500.000.000.000	500.000.000.000

Đây là trái phiếu đích danh do Công ty phát hành cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam với kỳ hạn 3 năm. Lãi trái phiếu được trả lãi định kỳ vào ngày 30 tháng 6 hàng năm với lãi suất 15%/năm. Nợ gốc trả một lần vào ngày đáo hạn 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***12 Phải trả nhà cung cấp**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
a. Phải trả người bán	11.195.080.000	221.681.817.543
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2	5.883.080.000	103.757.138.846
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt	-	111.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát Triển Bất Động sản Việt Hưng	5.292.000.000	5.670.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	-	1.177.500.000
Phải trả khác	20.000.000	77.178.697
b. Người mua trả tiền trước	389.630.748.348	121.749.992.655
Tạm ứng từ khách hàng cho các hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện.	389.630.748.348	121.749.992.655
Tổng cộng	400.825.828.348	343.431.810.198

Các khoản tạm ứng từ khách hàng thể hiện số tiền ứng trước cho các hợp đồng môi giới chứng khoán có điều kiện. Công ty phải chịu lãi suất từ 15%/năm đến 20%/năm trên số tiền ứng trước.

13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Thuế GTGT phải nộp	75.744.905	446.917.328
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.365.697.302	3.260.332.256
Thuế thu nhập cá nhân	1.807.548.331	1.870.474.154
Các loại thuế khác	3.123.361.820	30.085.664
Tổng cộng	11.372.352.358	5.607.809.402

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14 Chi phí phải trả

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Chi phí phải trả cho các Sở Giao Dịch Chứng khoán	-	308.993.138
- Chi phí phải trả cho Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán	-	353.802.676
- Trích trước chi phí phải trả khác	1.269.300.000	622.666.285
- Lãi vay phải trả	14.492.738.617	54.898.411.429
Tổng cộng	15.762.038.617	56.183.873.528

15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Nguồn vốn ủy thác từ Công ty TNHH Khí Hóa lỏng Việt Nam	104.025.720.000	113.067.180.000
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư	93.980.844.800	93.980.844.800
Tạm ứng từ khách hàng tổ chức	131.955.627.226	193.385.906.183
Tạm ứng từ khách hàng cá nhân	44.113.100.000	26.617.038.622
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	908.050.000	1.240.970.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.281.614.002	1.177.324.311
Tổng cộng	376.264.956.028	429.469.263.916

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

16 Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Phải trả Sở giao dịch chứng khoán	689.360.153	-
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	22.905.589.375	8.753.441.691
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	84.422.877.786	21.876.099.214
Tổng cộng	108.017.827.314	30.629.540.905

17 Vốn cổ phần

- Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh số 276/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp, vốn điều lệ của Công ty là 378.000.000.000 đồng, tương đương 37.800.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

- Theo giấy phép điều chỉnh số 96/GPĐC-UBCK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25/06/2012 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 378.000.000.000 đồng, tương đương 37.800.000 cổ phiếu phổ thông lên 396.900.000.000 đồng, tương đương 39.690.000 cổ phiếu phổ thông, mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

- Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, số lượng cổ phiếu và tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký	39.690.000	37.800.000
Số cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	39.690.000	37.800.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	39.690.000	37.800.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	30.597.053.207	5.806.382.284
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37.863.000	37.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	808	154

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***1 Doanh thu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	30.852.850.820	48.259.837.571
Doanh thu đầu tư chứng khoán, góp vốn	47.890.363.550	44.978.938.682
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	56.200.000.000	-
Doanh thu hoạt động tư vấn	12.192.906.455	5.065.428.657
Doanh thu lưu ký chứng khoán	1.285.796.667	2.439.884.139
Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu tư	64.431.818	268.060.204
Doanh thu khác	100.642.296.501	63.064.014.376
Tổng cộng	249.128.645.811	164.076.163.629

2 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí nhân viên	12.095.311.761	12.760.062.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.036.481.277	3.677.360.000
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	81.973.169.906	77.347.085.000
Các khoản chi phí khác	92.397.594.122	5.374.574.687
Tổng cộng	189.502.557.066	99.159.081.687

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Chi phí nhân viên	5.200.366.560	64.813.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.430.003	165.857.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	482.332.009	668.566.000
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	38.481.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	9.589.248.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.940.123.586	7.793.535.000
Chi phí bằng tiền khác	2.156.425.361	4.249.488.359
Tổng cộng	18.862.677.519	22.569.988.359

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**1 Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Trích lợi nhuận chưa phân phối tăng vốn điều lệ	18.900.000.000	-

2 Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	84.422.877.786	-

VIII. Thông tin bổ sung cho Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu.	30.597.053.207
--	----------------

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Số dư cuối kỳ với các bên liên quan tại ngày lập báo cáo**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
- Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng		
+ Cho vay	800.000.000	800.000.000
+ Hỗ trợ tài chính ngắn hạn	72.000.000.000	72.000.000.000
+ Đầu tư dài hạn khác	20.427.700.000	20.427.700.000
+ Hợp tác đầu tư dài hạn	-	25.370.745.000
+ Phải thu khách hàng	1.430.000.000	1.430.000.000
+ Các khoản phải thu khác	17.644.330.000	17.754.267.035
+ Phải trả người bán	5.292.000.000	5.670.000.000
- Công ty Cổ phần Bất Động Sản Việt Hưng 3A-2		
+ Đầu tư dài hạn khác	5.883.080.000	5.883.080.000
+ Phải trả người bán	5.883.080.000	103.757.138.846
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bàn Việt		
+ Phải trả người bán	-	111.000.000.000

2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ và số liệu trên báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).

3 Công cụ tài chính**Các loại công cụ tài chính**

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	267.899.255.073	111.616.718.751
Các khoản phải thu ngắn hạn	466.386.291.696	614.818.783.909
Cộng	734.285.546.769	726.435.502.660
Công nợ tài chính		
Vay ngắn hạn	101.800.000.000	582.426.780.000
Phải trả người bán	11.195.080.000	221.681.817.543
Các khoản phải trả phải nộp khác	376.264.956.028	429.469.263.916
Vay và nợ dài hạn	500.000.000.000	500.000.000.000
Cộng	989.260.036.028	1.733.577.861.459
Trạng thái ròng	(254.974.489.259)	(1.007.142.358.799)

Quản lý rủi ro**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ có rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu/phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số tiền rất ít bằng Đô-la Mỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng cá nhân được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức tín dụng do Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Quá trình thanh toán của khách hàng và mức độ rủi ro tín dụng được Giám đốc Bộ phận Dịch vụ khách hàng theo dõi liên tục và báo cáo cho Tổng Giám đốc.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Công ty lập dự phòng cho các khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán có nguy cơ bị tổn thất như sau:

	Tại 30/6/2012	Tại 01/01/2012
Tổng giá trị khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán	188.157.321.566	138.521.329.985
Trừ dự phòng:	(20.548.007.059)	(20.548.007.059)
Cộng	167.609.314.507	117.973.322.926

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo.

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Tổng
Tại 30/6/2012			
Các khoản vay	101.800.000.000	500.000.000.000	601.800.000.000
Phải trả người bán	11.195.080.000	-	11.195.080.000
Các khoản phải trả khác	376.264.956.028	-	376.264.956.028
Cộng	489.260.036.028	500.000.000.000	989.260.036.028

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

67 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09-CTCK

*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm***Tại 01/01/2012**

Các khoản vay	582.426.780.000	500.000.000.000	1.082.426.780.000
Phải trả người bán	221.681.817.543	-	221.681.817.543
Các khoản phải trả khác	429.469.263.916	-	429.469.263.916
Cộng	1.233.577.861.459	500.000.000.000	1.733.577.861.459

Tài sản tài chính**Tại 30/6/2012**

Tiền và các khoản tương đương tiền	267.899.255.073	-	267.899.255.073
Các khoản phải thu ngắn hạn	466.386.291.696	-	466.386.291.696
Cộng	734.285.546.769	-	734.285.546.769

Tại 01/01/2012

Tiền và các khoản tương đương tiền	111.616.718.751	-	111.616.718.751
Các khoản phải thu ngắn hạn	614.818.783.909	-	614.818.783.909
Cộng	726.435.502.660	-	726.435.502.660

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị hợp lý

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc và các khoản dự phòng giảm giá được ghi nhận khi cần thiết. Các giá trị này có thể khác biệt đối với giá trị hợp lý của các tài sản tài chính hay công nợ tài chính của Công ty.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012


ĐOÀN MINH THIÊN

Kế Toán Trưởng

**TÔ HÀI**

Tổng Giám đốc

